

Mục lục

Chiếu dời đô.....	2
Nam Quốc sơn hà.....	5
(Lý Thường Kiệt).....	5
Hịch tướng sĩ.....	7
Bình Ngô Đại cáo.....	13
(Nguyễn Trãi).....	14
Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.....	20
(Nguyễn Đình Chiểu 1822-1888).....	20
Chinh phụ ngâm.....	23
Chinh phụ ngâm.....	31
Chinh phụ ngâm.....	44

Chiếu dời đô

(Lý Công Uẩn)

Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam Đại theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời ?

Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.

Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trầm rất đau xót về việc đó, không thể không dời.

Hướng gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: ở vào nơi trung tâm trời đất; được thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi.

Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.

Xem khắp nước Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Sống làm chi ở lính mã tà,
chia rượu ngọt, gặm bánh mì,
nghe càng thêm hổ.
Thà thác mà đặng câu dịch khái,
về sau tổ phụ cũng vinh,
Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây,
ở với man di rất khổ.
Ôi thôi thôi
Chùa Lão Ngộ năm canh ưng đóng lạnh,
tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm;
Đồn Tây Dương một khắc đặng rửa hờn,
tủi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.
Đau đớn mấy, mẹ già ngồi khóc trẻ,
ngọn đèn khuya leo lét trong lều,
Nào nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng,
con bóng xế vụt vờ trước ngõ.
Ôi !
Một trận khói tan,
Nghìn năm tiết rỡ.
Bình tướng nó hày đóng sông Bến Nghé,
còn làm cho bốn phía mây đen.
Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai,
ai cứu đặng một phường con đỏ.
Thác mà trả nước non rồi nợ,
danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều khen;
Thác mà ưng đèn miếu để thờ,
tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ
Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc,
linh hồn theo giúp cơ binh
muôn kiếp nguyện được trả thù kia
Sống thờ vua, thác cũng thờ vua,
lời dụ dạy đã rành rành
một chữ ám đủ đền công đó.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,
thương vì hai chữ thiên dân.

Dịch từ:

Thiên Đô Chiêu

Tích Thương gia chí Bàn Canh ngũ thiên, Chu thất đãi Thành Vương tam tử. Khởi Tam Đại chi sở quân tuần vu kỷ tư, vọng tự thiên tử. Dĩ kỳ đồ đại trạch trung, vi ức vạn thế tử tôn chi kế; thượng cần thiên mệnh, hạ nhân dân chí, cầu hữu tiện triếp cải. Cố quốc tộ diên trường, phong tục phú phú. Nhi Đinh Lê nhị gia, nãi tuần kỷ tư, hốt thiên mệnh, vãng đạo Thương Chu chi tích, thường an quyết áp vu tư, trí thế đại phát trường, toán số đoán xúc, bách tín hao tổn, vạn vật thất nghi. Trầm thậm thống chi, bất đắc bất tử.

Huống Cao Vương cố đô Đại La thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế. Chính Nam Bắc Đông Tây chi vị; tiện giang sơn hướng bội chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thảo bình, quyết thổ cao nhi sáng khái. Dân cư miệt hân điểm chi khôn; vạn vật cực phồn phú chi phong. Biên lã Việt bang, tư vi thắng địa. Thành tứ phương bức thấu chi yếu hội; vi vạn thế đế vương chi thượng đô.

Trầm dục nhân thử địa lợi dĩ định quyết cư, khanh đẳng như hà ?

Nam Quốc sơn hà

(Lý Thường Kiệt)

*Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư !*

Dịch thơ:

Sông núi nước Nam

*Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm ?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời !*

Chú thích:

Đây là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Bài thơ xuất hiện năm 1077 giữa cuộc chiến đấu oanh liệt trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (khúc sông Cầu thuộc huyện Yên Phong,

tỉnh Hà Bắc ngày nay) giữa quân dân Đại Việt và mấy chục vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy. Tương truyền giữa lúc khó khăn, quân sĩ hai bên một đêm bỗng nghe tiếng ngâm vang vọng của bài thơ trên từ đền thờ Trương Hồng Trương Hát (hai tướng tài của Việt Vương Triệu Quang Phục). Bài thơ góp phần khích lệ tinh thần chiến đấu của quân ta và khiến quân Tống hoang mang, rúng động, dẫn đến thất bại thảm hại của chúng chẳng mấy lâu sau đó.

Lĩnh Nam Chích Quái có chép một dị bản:

*Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư
Hoàng thiên dĩ định tại thiên thu
Như hà Bắc lỗ lai xâm lược ?
Bạch nhận phiên thành phá trúc dư !*

Hịch tướng sĩ

(Trần Hưng Đạo)

Ta thường nghe: Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than, báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước. Kính Đức một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thái Sung; Cảo Khanh một bày tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có ? Ví thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nhi nữ thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được?

Các người vốn dòng võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi việc đời trước hẵng tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Nguyên mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào ? Nguyễn Văn Lập, tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà đem thành Điều Ngự nhỏ tày cái đầu đương đầu với quân Mông Kha đường đường trăm vạn, khiến cho sinh linh nhà Tống đến nay còn đội ơn sâu ! Cốt Đãi Ngột Lang là người thế nào ? Xích Tu Tư tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà xông vào chôn lam chướng xa xôi muôn dặm đánh quy quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay còn lưu tiếng tốt ! Huống chi, ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lén nhìn sứ ngụy đi lại nghênh ngang

ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú điều mà lãnh nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tổ phụ. Mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để phụng sự lòng tham khôn cùng; khoác hiệu Vân Nam Vương mà hạch bạc vàng, để vết kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có mặc thì ta cho áo; không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng tước; lộc ít thì ta cấp lương. Đi thủy thì ta cho thuyền; đi bộ thì ta cho ngựa. Lâm trận mạc thì cùng nhau sống chết; được nhân hạ thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang đãi người phụ tá, nào có kém gì?

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường đãi yến sứ ngụy mà không biết căm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ.

Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm. Nếu bất chợt có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tấm thân ngàn vàng; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu lắm không mua được đầu giặc; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù.

Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rất không làm giặc điếc tai. Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bỗng lộc các người cũng thuộc về tay kẻ khác; chẳng những gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phần mộ cha ông các người

cũng bị kẻ khác bởi đào; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng nhớ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các người cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui chơi thỏa thích, phỏng có được chăng?

Nay ta bảo thật các người: nên lấy việc "đặt môi lửa dưới đồng củi nổ" làm nguy; nên lấy điều "kiềm canh nóng mà thổi rau nguội" làm sợ. Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho ai nấy đều giỏi như Bàng Mông, mọi người đều tài như Hậu Nghệ, có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai.

Như thế chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bổng lộc các người cũng suốt đời tận hưởng; chẳng những gia thuộc ta được ấm êm giường nệm, mà vợ con các người cũng trăm tuổi sum vầy; chẳng những tông miếu ta được hương khói nghìn thu mà tổ tiên các người cũng được bốn mùa thờ cúng; chẳng những thân ta kiếp này thỏa chí, mà đến các người, trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụ hiệu ta không hề mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ, dẫu các người không muốn vui chơi, phỏng có được không?

Nay ta chọn lọc binh pháp các nhà hợp thành một tuyển, gọi là Binh Thư Yếu Lược. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc.

Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên nghịch tặc, để then muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở này nữa? Cho nên ta viết bài hịch này để các người hiểu rõ bụng ta.

Chú thích

Kỷ Tín: tướng của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây ở Huỳnh Dương, Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ ra hàng, bị Hạng Vũ thiêu chết. Hán Cao Tổ nhờ thế mới thoát được.

Do Vu: tướng của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu. Theo Tả Truyện, Sở Chiêu Vương bị nước Ngô đánh phải lánh sang phương Đông, một đêm bị cướp vây đánh. Do Vu đã chìa lưng ra đỡ giáo cho vua mình.

Dự Nhượng: gia thân của Trí Bá thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng bèn nuốt than cho khác giọng đi, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.

Thân Khoái: quan giữ ao cá của Tề Trang Công thời Xuân Thu. Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái bèn chết theo chủ.

Kính Đức: tức Uất Trì Cung đời Đường. Khi Đường Thái Tông (bấy giờ còn là Tần Vương Lý Thế Dân) bị Vương Thế Sung vây, ông đã lấy mình che chở, hộ vệ cho Thái Tông chạy thoát.

Cảo Khanh: họ Nhan, một bề tôi trung của nhà Đường. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, đánh đuổi Đường Huyền Tông và Dương Quý Phi, ông đã cả gan chửi mắng An Lộc Sơn và bị cắt lưỡi.

Vương Công Kiên: tướng tài nhà Tống, giữ Hợp Châu, lãnh đạo quân dân Tống cầm cự với quân Mông Cổ do Mông Kha chỉ huy ở núi Điều Ngự suốt bốn tháng trời. Mông Kha cuối cùng bị loạn tên chết, quân Mông Cổ đành phải rút lui.

Điều Ngự: tên ngọn núi hiểm trở ở Tứ Xuyên, ba mặt nhìn xuống sông. Đời Tống, Dư Giới đắp thành ở đó.

Mông Kha: tức Mongka, anh của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt, làm Đại Hãn Mông Cổ từ năm 1251. Mông Kha trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung Quốc và các nước phía Đông. Ông bị tử trận năm 1259 dưới chân thành Điều Ngự trong cuộc vây hãm đội quân Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.

Cốt Đãi Ngột Lang: tức Uriyangqadai, tướng giỏi của Mông Cổ, con của viên tướng nổi tiếng Subutai. Cốt Đãi Ngột Lang nhận lệnh của Mông Kha, cùng Hốt Tất Liệt đánh chiếm nước Nam

Chiếu. Cốt Đãi Ngột Lang cũng là viên tướng chỉ huy đạo quân Mông Cổ xâm lược Đại Việt lần thứ nhất (1258).

Xích Tu Tư: chép Xích theo Hoàng Việt Văn Tuyển. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép Cân. Hai chữ gần giống nhau, không biết quyển nào chép nhầm. Hiện nay, chưa có tài liệu nào nói gì về viên tướng này, và việc khôi phục lại tên Mông Cổ từ Hán tự cũng không phải là chuyện đơn giản.

Nam Chiếu: nước nhỏ nằm ở khoảng giữa tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam ngày nay; thủ đô là Đại Lý, thuộc Vân Nam.

Hốt Tất Liệt: tức Qubilai, em ruột và là tướng của Mông Kha. Sau khi Mông Kha tử trận ở Điều Ngự, Hốt Tất Liệt tự xưng làm Đại Hãn ở Khai Bình, khiến xảy ra cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu với em ruột là Ariq-Buka. Năm 1264, Ariq-Buka đầu hàng, Hốt Tất Liệt bèn dời đô về Yên Kinh (tức Bắc Kinh ngày nay), xưng Nguyên Thế Tổ, lập nên nhà Nguyên.

Vân Nam Vương: tức Hugaci hay Thoát Hoan, con ruột Hốt Tất Liệt, được phong làm Vân Nam Vương năm 1267 với nhiệm vụ khống chế các dân tộc thiểu số vùng này cũng như mở rộng biên cương nhà Nguyên về phía Nam. Thoát Hoan là người chỉ huy quân Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1287-1288.

ngành thầy ta bọc trong da ngựa: điển tích lấy từ câu nói của viên tướng khét tiếng Mã Viện đời Hán chép trong Hậu Hán Thư -- Đại trượng phu dương tử ư cương trường, dĩ mã cách khóa thi nhĩ. Bậc đại trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thầy.

thái thường: tên loại nhạc triều đình dùng trong những buổi tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ là thời kỳ ngoại giao căng thẳng giữa ta và quân Nguyên, trong những buổi yến tiệc tiếp sứ Nguyên, triều đình nhà Trần nhiều khi phải buộc dùng đến nhạc thái thường để mua vui cho sứ giả. Trần Quốc Tuấn xem đó là một điều nhục nhã.

thái ấp: phần đất vua Trần phong cho các vương hầu đặt mỗi lửa dưới đồng củi nỏ: từ câu văn trong Hán Thư-- phù bão hỏa, thố chi tích tân chi hạ nhi tâm kỳ thượng, hỏa vị cập nhiên nhân vị chi an. Ôm mỗi lửa, đặt dưới đồng củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên.

kiềng canh nóng mà thổi rau nguội: xuất xứ từ một câu văn trong Sở Từ -- trừng ư canh nhi xuy tê hề. Người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng đã e sợ sẵn, dù gặp rau nguội đi nữa, cũng vẫn thổi như thường.

Bàng Mông: danh tướng đời nhà Hạ, có tài bắn cung trăm phát trăm trúng

Hậu Nghệ: một nhân vật bắn cung giỏi nữa trong thần thoại Trung Quốc.

Cảo Nhai: nơi trú ngụ của các vua chư hầu khi vào châu vua Hán ở Trường An.

mãi mãi vững bền: nguyên văn chữ Hán là vĩnh vi thanh chiêm. Sách Thế Thuyết chép chuyện Vương Tử Kính đêm nằm ngủ thấy bọn trộm vào nhà "sạch sành sanh" vét mọi vật. Ông từ tốn bảo chúng rằng: cái nệm xanh (thanh chiêm) này là đồ cũ của nhà ta, các người làm ơn để lại. Tác giả dùng điển tích này để chỉ những của cải được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Bình Thư Yếu Lược: tức Bình Gia Diệu Lý Yếu Lược, nay đã thất truyền. Tác phẩm với đầu đề tương tự được lưu truyền hiện nay không phải là văn bản thực thụ, trong đó có các đoạn chép vài trện đánh thời Lê Nguyễn sau này.

đẹp yên nghịch tặc: nguyên văn chữ Hán là bình lô chi hậu. Có dịch giả đoán Bình Lô là tên đất ở đâu đó vùng Phù Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. đây, chúng tôi theo Ngô Tất Tố và Phan Kế Bính dịch thoát là bình định nghịch tặc nói chung,

Tài liệu tham khảo

1. Thơ Văn Lý Trần, tập I, NXB Khoa Học Xã Hội, 1977.

2. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, NXB Khoa Học Xã Hội, 1993, theo một bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697).

3. *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Dương Quảng Hàm.

4. *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim.

Bình Ngô Đại cáo

(Nguyễn Trãi)

Từng nghe:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;
Như nước đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một
phương;
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.*

Cho nên:

*Lưu Cung tham công nên thất bại;
Triệu Tiết chí lớn phải vong thân;
Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét. Chứng cứ còn ghi.*

Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiên hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá
mập thường luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước
độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa
chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi !
Lòng người đều căm giận, Trời đất chẳng dung tha;

Ta đây:

Núi Lam sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
C m giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
Những trần trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu,
Việc bôn tâu thiếu kẻ đỡ đần,
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,
Tám lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về Đông,
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn
bể khơi.
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đói.
Phân vì giận quân thù ngang dọc,
Phân vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng trí khắc phục gian nan.
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp
phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt
ngào.
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn,
 Lấy chí nhân để thay cường bạo.
 Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt,
 Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
 Sĩ khí đã hăng
 Quân thanh càng mạnh.
 Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
 Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.
 Thừa thắng đuổi dài,
 Tây Kinh quân ta chiếm lại,
 Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
 Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm
 Tụy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
 Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu
 Một gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
 Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
 Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
 Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,
 Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công.
 Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.
 Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
 Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bối thế:

Thằng nhãi con Tuyên đức động binh không ngừng
 Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy
 Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo
 lại
 Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam
 tiến sang.
 Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong
 Sau lại sai tướng chặn đường tuyệt nguồn lương thực
 Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã Yên Liễu Thăng cắt đầu
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc
Sĩ tốt kén người hùng hổ
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng sục toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gỏi dâng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn, thân chết đầy đường
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước
Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,
ảm đạm thay ! ánh nhật nguyệt phải mờ
Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà
vỡ mặt!
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên
nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu, máu chảy thành sông, nước sông ghen
ngào tiếng khóc
Thành đan Xá, thân chết thành núi, cỏ nội đầm đìa máu
đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khôn đồn, cởi giáp ra hàng
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra
đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế kì diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay
Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh
Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;

Than ôi !

Một cỗ nhung y chiến thắng,
nên công oanh liệt ngàn năm
Bốn phương biển cả thanh bình,
ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo,
Ai nấy đều hay.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

(Nguyễn Đình Chiểu 1822-1888)

*Hỡi ơi !
Súng giặc đất rền,
Lòng dân trời tỏ.
Mười năm công võ ruộng,
xưa ắt còn danh nổi như phao,
Một trận nghĩa đánh Tây,
thân tuy mất tiếng vang như mõ.
Nhưng nghĩ rằng
Tắc đắc ngọn rau ơn chúa,
tài bồi cho nước nhà ta
Bát cơm manh áo ở đời,
mắc mớ chi ông cha nó ?
Vì ai khiến quan quân khó nhọc,
ăn tuyết nằm sương ?
Vì ai xui hào lũy tan hoang,
xiêu mưa ngà gió ?
Sống làm chi theo quân tả đạo,
quảng vừa hương, xô bàn độc
nghĩ lại thêm buồn;*

Sống làm chi ở lính mã tà,
chia rượu ngọt, gặm bánh mì,
nghe càng thêm hổ.
Thà thác mà đặng câu dịch khái,
về sau tổ phụ cũng vinh,
Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây,
ở với man di rất khổ.
Ôi thôi thôi
Chùa Lão Ngô năm canh ưng đóng lạnh,
tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm;
Đồn Tây Dương một khắc đặng rửa hờn,
tủi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.
Đau đớn mấy, mẹ già ngồi khóc trẻ,
ngọn đèn khuya leo lét trong lều,
Nào nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng,
con bóng xế vụt vờ trước ngõ.
Ôi !
Một trận khói tan,
Nghìn năm tiết rỡ.
Bình tướng nó hày đóng sông Bến Nghé,
còn làm cho bốn phía mây đen.
Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai,
ai cứu đặng một phường con đỏ.
Thác mà trả nước non rồi nợ,
danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều khen;
Thác mà ưng đèn miếu để thờ,
tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ
Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc,
linh hồn theo giúp cơ binh
muôn kiếp nguyện được trả thù kia
Sống thờ vua, thác cũng thờ vua,
lời dụ dạy đã rành rành
một chữ ám đủ đền công đó.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,
thương vì hai chữ thiên dân.

*Cây nhang nghĩa khí thấp nên thơm,
cám bởi một câu vương thổ.
Hỡi ơi !
Có linh xin hưởng.*

Tài liệu tham khảo:

1. Thi văn Quốc cấm thời thuộc Pháp, Thái Bạch
2. Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Lộc
3. Việt Nam văn học sử yếu, Dương Quảng Hàm.

Chinh phụ ngâm

(Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm)

Ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVIII với nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, liền sau đó được Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm diễn nôm (dịch thành quốc ngữ)(1) ***Chinh Phụ Ngâm đã mau chóng đi vào lòng mọi tầng lớp quần chúng.***

Trải qua hơn hai thế kỉ rưỡi cho đến nay, Chinh Phụ Ngâm luôn giữ nguyên giá trị của một viên ngọc văn chương sáng ngời, một sản phẩm đáng tự hào của xứ sở vốn "nổi tiếng thi thư"(2)

Nguyên tác Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn của Đặng Trần Côn là một tác phẩm văn chương đặc sắc. Không những giới nho sĩ Việt Nam mà cả các bậc văn nhân Trung Hoa, đều yêu thích và khâm phục tác phẩm này. Bằng văn tài xuất sắc, Đặng Trần Côn sử dụng thể thơ tự do như "cổ phong" trong "Nhạc phủ" hoặc thể "từ" mà Khuất Nguyên và Lí Bạch từng sử dụng, để viết nên một tác phẩm trữ tình hiếm có, mô tả tâm sự sâu xa của một thiếu phụ vắng chồng.

Văn chương trong Chinh Phụ Ngâm vô cùng diễm lệ, chứa chan tình cảm, uyển chuyển và đầy nhạc điệu. Trong số thi phẩm Hán văn của nền văn học nước ta, hiếm có tác phẩm sánh ngang được với Chinh Phụ Ngâm .

Với Chinh Phụ Ngâm bằng quốc ngữ, xưa nay nhiều bậc thức giả uyên bác đã phân tích và đánh giá về nhiều phương diện. Vậy mà

ngày nay những khám phá mới mẻ và sâu sắc hơn vẫn tiếp tục ra đời. Điều đó chứng tỏ Chinh Phụ Ngâm súc tích biết chừng nào về giá trị nội dung lẫn giá trị nghệ thuật.

Thời Lê mạt (Cảnh Hưng) - Chúa Trịnh (Trịnh Giang, Trịnh Doanh) là một thời kì nhiễu nhương và thối nát. Bọn vua chúa hoang dâm, ích kỉ và tàn bạo đã đẩy dân chúng vào cảnh lầm than, điêu đứng. "Thượng bất chính hạ tắc loạn". Đất nước chìm đắm triền miên trong cảnh loạn lạc, máu lửa và binh đao. Hàng ngàn vạn gia đình phải rơi vào tình cảnh chia li tan tác, tạo nên số phận bi thảm của những chinh phu và chinh phụ. Nỗi đau thương tưởng chừng thấu tới tận trời xanh. Chinh Phụ Ngâm ra đời như tiếng than van thống thiết của con người, của tình yêu đôi lứa, của gia đình trong cái thời đại đen tối ấy.

Trước hết, bằng sự bóc trần thực trạng đời sống - nhất là đời sống nội tâm tràn ngập sầu đau - của người chinh phụ, tác phẩm nêu lên một luận đề hết sức quan trọng của xã hội: Chiến tranh và Hoà Bình.

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.

Chỉ hai câu thơ đủ cho ta thấy: Một khi chiến tranh xảy ra thì con người nói chung, và đặc biệt là người phụ nữ, lập tức bị đẩy vào nghịch cảnh, vào nỗi khổ đau vô tận.

Chiến tranh mà Chinh Phụ Ngâm đề cập chỉ là chiến tranh mưu bá đồ vương, bảo vệ ngai vàng của bọn vua chúa phong kiến.

Cách nhìn chiến tranh như vậy chứng tỏ tác giả Chinh Phụ Ngâm đã đứng vững như bàn thạch trên một lập trường duy nhất: Lập trường của chủ nghĩa nhân bản.

Bằng lập trường tiến bộ đó, tác giả vạch trần mâu thuẫn giữa quyền lợi của quần chúng nhân dân với quyền lợi ích kỉ của bọn vua chúa. Khi người chinh phụ vắng chồng phải sống những tháng n m đằng đẳng trong đau khổ, còn người chinh phu ngoài chiến địa bị đẩy vào cảnh chết chóc:

Non kì quạnh quẽ trăng treo

Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trắng dôi dôi soi

thì ở chốn triều đình bọn vua chúa chẳng biết đây là đâu:

Trên trướng gấm thêu hay chăng nhẽ?

Câu thơ "Mặt chinh phu ai vẽ cho nên" đã tố cáo thẳng thừng kẻ thủ phạm tạo ra tấn bi kịch của chinh phu và chinh phụ: Đó chính là bọn vua chúa.

Vạch trần bộ mặt hắc ám của chiến tranh, Chinh Phụ Ngâm đồng thời diễn tả giấc mộng mê mê của chinh phụ: Giấc mộng đoàn viên.

Liên ngâm đôi ẩm đòi phen

Cùng chàng lại kết mối duyên đến già

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ

Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình

Giấc mộng đoàn viên của chinh phụ phản ánh khát vọng hoà bình của nhân dân ta trong thế kỉ XVIII loạn lạc và tang tóc.

Rõ ràng Chinh Phụ Ngâm muốn khẳng định chân lí: Hoà bình là điều kiện tiên quyết của hạnh phúc con người và hạnh phúc lứa đôi.

Với lập trường nhân đạo sâu sắc triệt để, Chinh Phụ Ngâm đi vào chiều sâu thăm thẳm của tâm hồn một phụ nữ phương Đông và khắc hoạ nên một bức tranh về thế giới tâm hồn kì diệu ấy. Không một ai không cảm thán trước vẻ đẹp vô ngần về tình cảm, sự thuần khiết và cao quý về đức hạnh, sự mẫn tuệ và sự khả ái của nàng. Vẻ đẹp tuyệt vời của tâm hồn người con gái Việt Nam chúng ta đã gặp trong ca dao, dân ca, truyện nôm khuyết danh. ở Chinh Phụ Ngâm, chúng ta gặp lại vẻ đẹp ấy nhưng đã được nâng cao hơn một bậc đáng kể nhờ sự gia công của văn chương bác học.

Chinh phụ tuy không tách rời hẳn cuộc sống của người bình dân:

Con thơ măng sữa vả đương phù trì.

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa

Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm...

nhưng nàng có phong cách quý phái của giới thượng lưu;

*Trâm cài xiêm thất thẹn thùng
 hoặc: Đạo hiền vắng thềm gieo từng bước
 hoặc: Mượn hoa mượn rượu giải buồn...*

ở đẳng cấp trên, lại có học vấn - như bản thân Hồng Hà nữ sĩ - tâm hồn chinh phụ dồi dào hơn, sâu và cao hơn, cả về tư tưởng lẫn tình cảm so với người phụ nữ bình dân. Đó chính là một nguồn suối tâm tư đầy ắp sản sinh ra thiên trường thi trữ tình Chinh Phụ Ngâm.

Lần theo dòng suy nghĩ của chinh phụ, chúng ta không thể không thán phục khối óc mẫn tuệ cũng như sự nhạy cảm của trái tim nàng. Vượt trên những giáo điều phong kiến - những thứ lí luận xám xịt - nàng đặt một câu hỏi hết sức nhân bản:

*Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ
 Chàng há từng học lũ vương tôn
 Có sao cách trở nước non
 Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu?*

Nàng hỏi hận vì có lúc nàng đã quá đại khờ:

*Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu
 Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.*

Và nàng đã khẳng định cái triết lí hạnh phúc "Tất cả ở đây, tất cả lúc này":

*Ấy loại vật tình duyên còn thế
 Sao kiếp người nở để đây đây?
 Và: Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy
 Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
 Thiếp xin chàng chớ bạc đầu
 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung!*

Thiết tưởng những tư duy đầy nhân bản ấy của chinh phụ có thể làm cho các nhà nhân văn thời Phục Hưng và thời Khai Sáng ở phương Tây phải thán phục!

Người chinh phụ là hình tượng cổ điển cao quý, tiêu biểu cho phẩm chất của phụ nữ Việt Nam mọi thời đại.

Tình yêu của nàng với chồng không gì sánh nổi. Mặc dù sống cách đây hai thế kỉ rưỡi, hình như nàng đã tìm thấy tình yêu đích thực, song phương và hạnh phúc:

*Trang phong lưu đang chừng niên thiếu
Sánh nhau cùng đàn diu chữ duyên.*

Toàn bộ bản trường ca là nỗi nhớ nhung, lo âu mong đợi, thương xót và khát khao, khiến biết bao thế hệ con người đã phải rơi lệ!

Tuy sống trong nghịch cảnh nhưng cách ứng xử của nàng tỏ ra hơn hẳn những người đàn bà tầm thường như vợ Tô Tần ngày xưa:

*Thiếp chẳng đại như người Tô phụ
Chàng hẳn không như lũ Lạc Dương
Khi về đeo quả ấn vàng
Trên khung cửi dăm dây duông làm cao.
Xin vì chàng xếp bào cởi giáp
Xin vì chàng rũ lớp phong sương,
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nùng!*

Chinh phụ ngâm - cuốn nhật kí tâm hồn của một người chinh phụ - đã cho chúng ta thấy tầm vóc cao đẹp về tình cảm, đức hạnh và trí tuệ của người phụ nữ Việt Nam thế kỉ XVIII, không hề thua kém nàng Pénélope của Hy Lạp cổ đại trong tác phẩm ODYSSEY bất hủ của Homère.

So với nàng - con người giữ được nhiều tính chất thiên chân - thì hình ảnh người chinh phụ có phần mờ nhạt. Hình như trong đầu óc kẻ chinh phu phong kiến này đầy dẫy những giáo điều chết cứng. Chàng lao vào chiến tranh như một cái máy:

*Múa gươm rượu tiễn chưa tàn
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo,*

Chàng không ý thức được thực chất hành động xả thân của mình và chàng còn bị mù quáng bởi những bả vinh hoa:

Non Yên tạc đá đề danh...

Chính vì lẽ đó, kẻ nhìn rõ mặt trái của chiến tranh chính là người chinh phụ, chứ không phải là chinh phu, kẻ trực tiếp dấn thân "vào nơi gió cát"!

Tuy nhiên lòng yêu chồng đã lấn át và bao trùm tất cả. Chinh phụ không một lời oán trách chồng. Phải chăng điều đó cho chúng ta thấy một nét đẹp khác: đó là sự nhu thuận trong tính cách của nàng?

Về nghệ thuật, Chinh phụ ngâm là tác phẩm tiếng Việt ưu tú vào bậc nhất của văn học Việt Nam.

Với Chinh phụ ngâm, ngôn ngữ văn học dân tộc đã được nâng tới trình độ tột đỉnh. Mỗi câu thơ đều được tạo thành bởi những từ ngữ tinh xác, được gọt giũa công phu bởi một văn tài lớn.

Những câu thơ đầy hình ảnh:

áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

Những câu thơ tả cảnh chiến địa thê lương:

Non Kì quanh quẽ trăng treo

Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi.

Cảnh thiên nhiên sầu thảm:

Sương như búa bổ mòn gốc liễu

Nước dường cửa xẻ héo cành ngô

Giọt sương phủ bụi chim gù

Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

Những câu thơ tả "hình dong" người chinh phụ sầu não:

Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng

Lệch làn tóc rối lỏng vòng lưng co.

Và trên tất cả là những câu thơ tả tình, tả mọi trạng thái tâm lí:

- *Đưa chàng lòng dặc dặc buồn*

- *Hương gượng đốt hồn đà mê mải*

Gương gượng soi lệ lại chứa chan

Sắt cầm gượng gảy ngón đàn

Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.

Ngôn ngữ Việt Nam vốn giàu sức biểu hiện, giàu hình dung từ tinh tế, đã được vận dụng vào trong tác phẩm một cách tài tình:

- *Thét roi cầu vị ào ào gió thu*

- *Lá cờ bay ngùi ngùi*

- *Gà co óc gáy sương*

- *Môi sầu dằng dặc tựa miền bể xa*

- *Bến Ngân sùi sụt, cung tr ng chốc mòn*

Đôi khi Chinh phụ ngâm dùng ngoa ngữ. Đó là dấu hiệu cho thấy ngôn ngữ thơ đã vượt tới một tầm cao, bắt đầu phát huy tính chất "cuồng phóng" vốn ít có trong văn chương "khuôn phép" thời xưa:

- Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng
 Ôm đàn tranh mấy phím rời tay
 - Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt
 Trống tiêu khua như rút buồng gan
 Võ vàng đôi khác dung nhan...

Chinh phụ ngâm sử dụng thể thơ đặc thù của dân tộc, đã có sẵn trong nền văn học dân gian: đó là thể song thất lục bát, giàu nhạc điệu hơn thể thơ lục bát bởi hai vần trắc ở hai câu 7.

Thể thơ này tỏ ra thích hợp cho những tác phẩm trữ tình, như "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, "Ai tư vấn" của Lê Ngọc Hân, "Tự tình khúc" của Cao Bá Nhạ, "Khóc Dương Khuê" của Nguyễn Khuyến...

Một tác phẩm văn chương bác học, được sáng tạo bởi một thể thơ thuần túy dân tộc: Đó là bằng chứng hùng hồn cho thấy tiềm năng to lớn của tiếng Việt. Đồng thời chính điều đó đã khiến Chinh phụ ngâm trở nên ưu việt, được quảng đại quần chúng tiếp nhận, tán thưởng và truyền tụng suốt từ đời nọ đến đời kia.

Chinh phụ ngâm chuyển hoá một cách tài tình những điển cố và những câu thơ của văn học Trung Hoa sang tiếng Việt, làm giàu cho kho từ vựng ngôn ngữ văn học nước nhà:

Chôn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
 Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
 Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
 Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
 - Chàng ruổi ngựa dặm ngàn mây phủ
 Thiếp dạo hài lông cũ rêu in...

(phỏng thơ Lí Bạch)

- Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu
 Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong

(Phỏng thơ Vương Xương Linh)

Chinh phụ ngâm còn sử dụng nhạc điệu vô cùng điệu nghệ khiến cho tác phẩm từ lúc ra đời đến nay dường như không phải để đọc mà là để ca, để ngâm ngợi ... Với "AIR" giai điệu hoà thanh trầm sâu và da diết, có đổi thay theo từng trạng thái tâm hồn, ca khúc Chinh phụ ngâm đã làm say mê biết bao thế hệ con người...

Vì những lí do đã nêu trên, Chinh phụ ngâm đã trở thành kiệt tác thi ca, và bản diễn nôm của Hồng Hà nữ sĩ được đánh giá là hay hơn cả nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn.

Kiều Văn

(1) Bản thân nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã từng trải tâm trạng y hệt tâm trạng của người chinh phụ. Sau khi lấy chồng được vẹn vẹn một tháng thì chồng bà là Nguyễn Kiều phải cầm đầu phái bộ đi sứ sang nhà Thanh trong ba năm trời. Có lẽ vì thế bà đã dồn tất cả tâm huyết để diễn nôm tác phẩm của Đặng Trần Côn. Những năm gần đây có ý kiến cho rằng tác giả của bản nôm Chinh Phụ Ngâm hiện hành là Phan Huy ích. Nhưng các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam cho biết hiện vẫn chưa có đủ tài liệu chính xác, tin cậy để xác nhận điều đó. Vì vậy vị trí của Hồng Hà nữ sĩ đối với bài diễn ca chinh Phụ Ngâm vẫn chưa có thể thay đổi.

(2) Lời của Nguyễn Trãi từ thế kỉ XV

Chinh phụ ngâm

(Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm)

Thiên địa phong trần
Hồng nhan đa truân
Du du bỉ thương hề, thùy tạo nhân
Cổ bễ thanh động Trường Thành nguyệt
Phong hoả ảnh chiếu Cam Tuyền vân
Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân
Thanh bình tam bách niên thiên hạ
Tùng thử nhung y thuộc vũ thần
Sứ tinh thêm môn thôi hiếu phát
Hành nhân trọng pháp khinh li biệt
Cung tiễn hề tại yêu
Thê noa hề biệt khuyết
Liệp hiệp tinh kì xuất tái sâu
Huyền huyền tiêu cổ từ gia oán
Hữu oán hề phân huê
Hữu sâu hề kế khoát
Lương nhân nhị thập Ngô môn hào
Đầu bút nghiên hề sự cung đao

Dục bả liên thành hiển minh thánh
Nguyện tương xích kiếm trăm thiên kiều
Trượng phu thiên lí chí mã cách
Thái sơn nhất trịch khinh hồng mao
Tiện từ khuê khốn từng chinh chiến
Tây phong minh tiên xuất Vị kiều
Vị kiều đầu thanh thủy câu
Thanh thủy biên thanh thảo đồ
Tống quân xứ hề tâm du du
Quân đăng đồ hề thiếp hận bất như câu
Quân lâm lưu hề thiếp hận bất như châu
Thanh thanh lưu thủy bất tẩy thiếp tâm sầu
Thanh thanh phương thảo bất vong thiếp tâm ưu
Ngũ phục ngũ hề chấp quân thủ
Bộ nhất bộ hề phan quân nhu
Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt
Quân tâm vạn lí Thiên Sơn tiến
Trịch li bôi hề vũ Long Tuyền
Hoàn chinh sáo hề chỉ hổ huyết
Vân tùng Giới Tử liệt Lâu Lan
Tiếng hướng Man Khê đàm Mã Viện
Quân phi trang phục hồng như hà
Quân kị kiều mã bạch như tuyết
Kiêu mã hề loan linh
Chinh cổ hề nhân hành
Tu du trung hề đối diện
Khoảnh khắc lí hề phân trình
Phân trình hề hà lương
Bồi hồi hề lộ bàng
Lộ bàng nhất vọng báai ương ương
Tiền quân bắc Tế Liều
Hậu kị tây Trường Dương
Kị quân tương ứng quân lâm tái
Dương liễu na tri thiếp đoạn trường
Khứ khứ lạc mai thanh tiệp viên

Hành hành chinh báic sắc hà mang
Vọng vân khứ hề lang biệt thiếp
Vọng sơn qui hề thiếp tư lang
Lang khứ trình hề mông vũ ngoại
Thiếp qui xứ hề tạc dạ phòng
Qui khứ lưỡng hồi cố
Vân thanh dữ sơn thương
Lang cố thiếp hề Hàm Dương
Thiếp cố lang hề Tiêu Tương.
Tiêu Tương yên cách Hàm Dương thụ
Hàm Dương thụ cách Tiêu Tương giang.
Tương cố bất tương kiến
Thanh thanh mạch thượng tang
Mạch thượng tang, mạch thượng tang
Thiếp ý quân tâm thủy đoản trường?
Tự từng biệt hậu phong sa lũng
Minh nguyệt tri quân hà xứ túc
Cổ lai chinh chiến trường
Vạn lí vô nhân ốc
Phong khản khản đả đặc nhân nhan tụy
Thủy thâm thâm khiếp đặc mã đề xúc
Thú phu chầm cổ ngọa long sa
Chiến sĩ bão yên miên hồ lục
Kim triều Hán hạ Bạch Đằng thành
Minh nhật Hồ Khuy Thanh Hải khúc
Thanh Hải khúc, thanh sơn cao phục đề
Thanh sơn tiền, thanh Khê đoạn phục tục
Thanh sơn thượng, tuyết mông đầu
Thanh Khê hạ, thủy một phúc
Khả liên đa thiếu thiết y nhân
Tử qui đương thử sâu nhan xúc
Cầm trưởng quân vương tri dã vô
Gian nan thủy vị họa chinh phu
Liệu tướng lương nhân kinh lịch xứ
Tiêu Quan giác, hãn hải ngưng

Sương thôn, vũ điểm, hổ lạc, xà khu
Phong xan, lộ túc, tuyết hinh, băng tu
Đẳng cao vọng vân sắc
An đắc bất sinh sâu
Tự từng biệt hậu đông nam kiếu
Đông nam tri quân chiến hà đạo
Cổ lai chinh chiến nhân
Tĩnh mệnh khinh như thảo
Phong nhận hạ, ôn ôn hiệp khoáng chủ ân thâm.
Thời khắc trung, lịch lịch hoành qua tráng sĩ yếu
Kì sơn cự trủng nguyệt mang mang
Phì Thuỷ tân phần phong niếu niếu
Phong niếu niếu không xuy tử sĩ hồn
Nguyệt mang mang tầng chiếu chinh phu mạo
Chinh phu mạo, thủy đàn thanh
Tử sĩ hồn, thủy ai điều
Khả liên tranh đấu cự sơn xuyên
Hành nhân quá thử tình đa thiếu
Cổ lai chinh chiến kị nhân hoàn
Ban Siêu qui thời mấn dĩ ban
Liệu tướng lương nhân trì sính ngoại
Tam xích kiếm, nhất nhung yên
Thu phong sa thảo, minh nguyệt quan sơn
Mã đầu minh đích, thành thượng duyên can
Công danh bách mang lí
Lao khổ vị ứng nhàn
Lao dữ nhàn hề thủy dữ ngôn
Quân tại thiên nhai, thiếp ỷ môn
ỷ môn cố thiếp kim sinh phận
Thiên nhai khởi quân bình sinh hồn
Tự tín tương tùy ngư thủy bạn
Na kham trong cách thủy vân thôn
Thiếp thân bất tướng vì chinh phụ
Quân thân khởi học vì vương tôn

Hà sự giang nam dữ giang bắc
Linh nhân sâu hiểu hựu sâu hôn
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn
Khả liên lương niên thiếu
Thiên lí các hàn huyên
ức tích dữ quân tương biệt thời
Liều điều do vị chuyển hoàng li
Vấn quân hà nhật qui
Quân ước đồ quyên đề
Đồ quyên dĩ trực hoàng li lão
Thanh liễu lâu tiền ngữ ý nhi.
ức tích dữ quân tương biệt trung
Tuyết mai do vị thức đông phong
Vấn quân hà nhật qui
Quân chỉ đào hoa hồng
Đào hoa dĩ trực đông phong khứ
Lão mai giang thượng hựu phù dung
Dữ ngã ước hà xứ, nãi ước Lũng Tây sâm
Nhật trung hề bất lai, truy diệp đầu ngã thâm
Trữ lập không thể khắp, hoang thôn huyên
mộ cầm
Dữ quân ước hà sở, nãi ước Hán Dương kiều
Nhật vấn hề bất lai, cốc phong xuy ngã bào
Trữ lập không thể khắp, hàn giang khởi mộ trào
Tích niên kí tín khuyến quân hồi
Kim niên kí tín khuyến quân lai
Tín lai nhân vị lai
Dương hoa linh lạc uỷ thương đài
Thương đài thương đài hựu thương đài
Nhất bộ nhân đình bách cảm thôi
Tích niên kí thư đính thiếp kì
Kim niên hồi thư đính thiếp qui
Thư qui nhân vị qui
Sa song tịch mịch chuyển tà huy

Tà huy tà huy hựu tà huy
Thập ước giai kì cử độ vi
Thí tương khứ nhật từng đầu số
Bất giác hà tiền dĩ tam chú
Tối khổ thị liên niên tử tái nhân
Tối khổ thị thiên lí hoàng hoa thú
Tử tái nhân thủy vô đường thượng thân
Hoàng hoa thú thủy vô khuê trung phụ
Hữu thân an khả tạm tương li
Hữu phụ an khả cử tương phụ
Quân hữu lão thân mấn như sương
Quân hữu anh nhi niên thả nhụ
Lão thân hề ỷ môn
Anh nhi hề đãi bộ
Cung thân thực hề thiếp vi nam
Khóa tử thư hề thiếp vi phụ
Cung thân khóa tử thử nhất thân
Thương thiếp tư quân kim kỉ độ
Tư quân tích niên hề dĩ quá
Tư quân kim niên hề hựu mộ
Quân yêm lưu nhị niên tam niên cánh tứ niên
Thiếp tình hoài bách lũ thiên lũ hoàn vạn lũ
An đắc tại quân biên
Tổ thiếp trung trường khổ
Thiếp hữu Hán cung thoa
Tằng thị giá thời tương tổng lai
Bằng thủy kí quân tử, biểu thiếp tương tư hoài
Thiếp hữu Tần lâu kính
Tằng dĩ quân sơ tương đối ảnh
Bằng thủy kí quân tử, chiếu thiếp kim cô lánh
Thiếp hữu câu chỉ ngân, thủ trung thời tương thân
Bằng thủy kí quân tử, vi vật ngụ ân cần
Thiếp hữu tao đầu ngọc anh nhi niên sở lộng
Bằng thủy kí quân tử, tha hương hạnh trân trọng
Tích niên âm tín hữu lai thì

Kim niên âm hi tín diệt hi
 Kiến nhận uổng nhiên tư tái bạch
 V n sương mạn tự chế miên y
 Tây phong dục kí vô hồng tiện
 Thiên ngoại liên y tuyết vũ thủy
 Tuyết hàn hề hổ trưởng, vũ lãnh hề lang vi
 Hàn lãnh ban ban khổ, thiên ngoại khả liên y
 Cảm tự đề thi phong cánh triển
 Kim tiền vấn bốc tín hoàn nghi
 Kỉ độ hoàng hôn thời, trùng hiên nhân độc lập
 Kỉ hồi minh nguyệt dạ, đan chẩm mấn tà khi
 Bất quan trầm dữ tĩnh, hôn hôn nhân tự túy
 Bất quan ngu dữ nọa, vãng vãng ý như si
 Trâm tà uỷ khảo bông vô nại
 Quần thoái nhu yêu sáu bất chi
 Trú trầm trầm, ngọc viện hành như trụ
 Tịch âm âm, tương liêm quyền hựu thủy
 Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi đầu vô thước báo
 Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đẳng tri
 Đẳng tri nhược vô tri, thiếp tâm chỉ tự bi
 Bi hựu bi hề cánh vô ngôn
 Đẳng hoa nhân ảnh tổng kham liên
 Y ớc kê thanh thống ngũ dạ
 Phi phát hoè âm độ bát chuyên
 Sầu như hải
 Khắc như niên
 Cưỡng nhiên hương, hoa hồn dục tiêu đàn trụ hạ
 Cưỡng lâm kính, ngọc trụ không trụ lăng hoa tiền
 Cưỡng viện cầm, chỉ hạ kinh đình loan phượng trụ
 Cưỡng cổ sắt, khúc trung sầu yết uyên ương huyền
 Thử ý xuân phong nhược khảng truyền
 Thiên kim tá lực kí Yên nhiên
 Yên nhiên vị dị truyền
 ức quân thiều thiều hề lộ như thiên
 Thiên viễn vị dị thông

ức quân du du hề tứ hà cùng
Sầu nhân xứ, thương tâm hung
Thụ điệp thanh sương lí, cung thanh tế vũ trung
Sương phủ tàn hề dương liễu
Vũ cú tồn hề ngô đồng
Điều phản cao thung, lộ hạ đề từng
Hàn viên hậu trùng, viễn tự thời chung.
Tất suất sổ thanh nguyệt
Ba tiêu nhất viện phong
Phong liệt chỉ song xuyên trướng khích
Nguyệt di hoa ảnh thượng lâm lung
Hoa tiền nguyệt chiếu nguyệt tự bạch
Nguyệt hạ hoa khai hoa tự hồng
Nguyệt hoa hoa nguyệt hề ảnh trùng trùng
Hoa tiền nguyệt hạ hề tâm xung xung
Thiên ban lãn
Vạn sư dung
Dung nữ công, cầm trực sỉ phao oanh đối ngẫu
Dung phụ xảo, kim châm tu thích điệp thư hùng
Dung trang, sầu kiếm không thi phấn
Dung ngữ, chung triêu muộn ỷ song
ỷ song ỷ song phục ỷ song
Lang quân khứ hề, thủy vi dung
Thủy vi dung hề, tâm bàn hoàn
Lang quân khứ hề, cách trùng quan
Hà thí Thiên đế tôn, lãnh lạc lập Ngân chữ
Hà thí Hằng Nga phụ, thê lương tọa Quảng Hàn
Tá sầu hề vi chẩm, chữ muộn hề vi xan
Dục tương tửu chế sầu, sầu trọng tửu vô lực
Dục tương hoa giải muộn, muộn áp hoa vô nhan
Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ
Muộn sầu hoá tác cửu tuyên than.
Thí quỳnh sinh hề bất thành hưởng
Bão ngân tranh hề bất nhãn đàn
Tư viễn tái hề hành lộ nan

Niệm chinh phụ hề nang thác đản
Quyên thanh đề lạc quan tình lệ
Tiểu cổ xao tàn đái bại can
Bất thăng tiêu tụy hình hài nhuyển
Thủy giác khuê li tư vị toan
Tư vị toan hề cánh tân toan
Tân toan đoan đích vị lương nhân
Vị lương nhân hề song thiếp lệ
Vị lương nhân hề chích thiếp thân
Thiếp thân bất đáo quân chinh trưởng
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân
Duy hữu mộng hồn vô bất đáo
Tâm quân dạ dạ đáo Giang Tân
Tâm quân hề Dương Đài lộ
Hội quân hề Tương Giang tân
Kí đắc kỉ phiên hoan hội xứ
Vô phi nhất chấm mộng trung xuân
Thử thân phản hận bất như mộng
Lũng thủy Đồng Quan dữ tử thân
Mộng khứ mỗi tăng kinh cánh đoạn
Mộng hồi hựu ố huyển phi chân
Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn
Vị thường khoảnh khắc thiếu li quân
Tâm bất li quân vị kiến quân
Đăng cao kỉ độ vọng chinh luân
Vọng quân hà sở kiến, giang biên mãn bạch tần
Yên thảo phi thanh lũy, Tần tang nhiễm lục vân
Nam lai tỉnh áp bán phong trần
Lạc nhật bình sa nhận nhất quần
Vọng quân hà sở kiến, dịch lộ đoản trường đình
Vân gian Ngô thụ bích, thiên tế Thục sơn thanh
Bắc lai hoà thử bán hoang thành
Vi vũ giang lâu địch nhất thanh
Vọng quân hà sở kiến, không sơn điệp tổ đôi
Tự phi song bạch trĩ, tự vũ mãn giang mai

Đông khứ phong yên thăm bất khai
Tây phong linh lạc điệu thanh ai
Vọng quân hà sở kiến, hà thủy khúc như câu
Trường không sô điểm nhận, viễn phố nhất
qui châu
Tây khứ từng thu tiếp đoạn vu
Hành nhân vì một cách thương châu
Vọng tận thiên đầu hựu địa đầu
Kỉ nhật đăng lâu hựu há lâu
Đông vân trở tận tương tư nhĩn
Hà xứ Ngọc Quan chinh chiến khu
Hận vô Trường Phòng súc địa thuật
Hận vô tiên tử trịch cân phù
Hữu tâm thành hoá thạch
Vô lệ khả đăng lâu
Hồi thủ trường đề dương liễu sắc
Hồi giao phu tế mịch phong hầu
Bất thức li gia thiên lí ngoại
Quân tâm hữu tự thiếp tâm phâu
Quân tâm thảng dữ thiếp tâm tự
Thiếp diệc ư quân hà oán vưu
Thiếp tâm như hoa thường hướng dương
Chỉ phạ quân tâm như lưu quang
Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu
Hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng
Hoàng hoa cánh hướng thủy biên tiếu
Lưu quang bất khảng nhất hồi chiếu
Hoàng hoa khước vị lưu quang lão
Hoàng hoa lão hề lạc mẫn tường
Hoa lạc như kim cánh kỉ sương
Đình lan hề dĩ trích
Giang tâm hề hựu phương
Nhiếp y bộ tiền đường
Ngưỡng mục quan thiên chương
Hà thủy phân minh diệt

Khuê triền sạ hiện tàng
Tiêm vân thời phảng phát
Bắc đầu hốt đê ngang
Nguyệt chiếu hê ngã sàng, phong xuy hê ngã tường
Ngọc nhan tùy thân tước, trượng phu do tha phương
Tích vi hình dữ ảnh, kim vi Sâm dữ Thương
Quân biên vân ủng Thanh phiêu kị
Thiếp xứ đài sinh Hưởng điệp lang
Lang nội xuân phong nhật tương yết
Khả liên ngộ tận lương thời tiết
Lương thời tiết, Diêu hoàng Ngụy tử giá đông phong
Lương thời tiết, Chúc Nữ Ngưu Lang hội minh nguyệt
Khả liên uống thủ nhất không phòng
Niên niên ngộ tận lương thời tiết
Lương thời tiết hê cấp như thoa
Nhân thế thanh xuân dung dị quá
huống phục thị xuân tứ vị tiêu thu hận tục
Huống phục thị hợp hoan cánh thiếu biệt sâu đa
Biệt sâu thu hận lưỡng tương ma
Bồi liễu thanh thanh năng kị hà
Không thán tích lãng tư ta
Chỉ khủng bạch đáo Văn Quân đầu, không thán tích
Chỉ khủng hoa đáo Phan lang mấn, lãng tư ta
Thán tích hà dĩ vi
Nhan sắc do kiều như nộn hoa
Tư ta hà dĩ vi
Quang âm nhất trịch vô hồi quá
Tư mệnh bạc, tích niên hoa
Tì ti thiếu phụ cơ thành bà
Xuân các trùng hoài bồi tiểu kiếm
Hoa lâu thượng kí giải hương la
Hận thiên bất dữ nhân phương tiện
Để sự đáo kim thành khảm kha
Khảm kha khảm kha nại nhược hà
Vị thiếp ta hê vị quân ta

Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương
Cam tâm bất nhân lưỡng phân trương.
Hựu bất kiến lương đầu song yên yên
Bạch đầu hà tăng vong khiến quyền
Khiêm dã vô tình tử dục tương tùy quá nhất sinh
Cung dã vô tri tịnh khu đảo lão bất tương li
Lộ liễu tăng truyền liên lí xứ
Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì
Hà nhân sinh chi tương viên
Ta vật loại chi như ti
An đắc tại thiên vi tử dục điều
Tại địa vi liên lí chi
Ninh cam tử tương biệt, bất nhân sinh tương li
Tuy nhiên tử tương kiến, hạt nhược sinh tương tùy
An đắc quân vô lão nhật, thiếp thường thiếu niên thì
Nguyện vi ảnh hề tùy quân biên
Quân hữu hành hề ảnh bất viễn
Quân y quang hề thiếp sở nguyện
Nguyện quân hứa quốc tâm như đan
Nguyện quân tí dân lực như thiết
Cơ lai thôn hạ Nhục Chi đầu
Khát lai ẩm hạ Thiên Vu huyết
Hà hạnh Kỳ môn phong nhận trung
Lão thiên trước ý hộ anh hùng
Hộ anh hùng, bách chiến công
Trường khu tứ mã tĩnh quan đông
Quan đông quan bắc hựu truyền tiền
Sơn vĩ sơn đầu tảo quả cung
Tiếp sắc tinh kì từ tái nguyệt.
Khải ca tướng sĩ bồi biên phong
Lạc công hề Yên Nhiên thạch
Hiển quốc hề Vị Ương cung
Vị Ương cung hề hướng thiên triều
Văn Ngân hà hề tẩy cung đao
Tử nhân san hạ bình Hoài tụng

Nhạc phủ ca truyền nhập Hán dao
Lăng Yên các hệ Tần Thúc Bảo
Kì Lâm đài hệ Hoắc Phiêu Diêu
Thiên đường địa cử mao tư khoán(92)
Tử ẩm thê phong phúc lộc tiêu
Hữu sâu hệ thử nhật, đắc ý hệ lai thì
Thiếp phi Tô gia si tâm phụ
Quân diệc Lạc Dương hảo nam nhi
Qui lai thắng bội hoàng kim ấn
Khẳng học đương niên bất hạ kì
Nguyên vị quân hệ giải chinh y
Nguyên vị quân hệ phủng hà chi
Vị quân sơ trất vân hoàn hảo
Vị quân trang điểm ngọc cơ chi
Thu quân khán hệ cự lệ cân
Thoại quân thính hệ cự tình từ
Cự tình từ hệ hoán tân liên
Giảng tân thoại hệ tửu bôi tiền
Thiến chúc hệ mạn ngạn
Đê xướng hệ liên liên
Chúc phụ chúc hệ bồ đào tửu
Xướng phục xướng hệ tử lưu thiên
Chúc cửu uẩn, xướng song liên
Dĩ quân chinh đồn cự nhân duyên
Giao cảnh thành song đảo lão thiên
Thường liễu công danh li biệt nhật
Tương liên tương thủ thái bình niên
Thái bình niên nguyên tuế trí
Nhược nhiên thử hậu thiếp hà lệ
Tương hội tương kì tương kí ngôn
Ta hồ trượng phu đương như thị

Chinh phụ ngâm

(Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm)

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên(1)
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?
Trống Tràng Thành (2) lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam Tuyền (3) mờ mịt thức mây.
Chín lần gươm báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
áo nhung (4) trao quan vũ từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng niềm tây (5) sá nào.
Đường rong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bạn thê noa (6)
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liên (7) mong tiến bộ rông,
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời (8)
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa (9)

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.(10)
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị (11) ào ào gió thu.
Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền.
Nước trong chảy lòng phiền chẳng rửa
Cỏ xanh thơm dạ nhớ khó quên
Nhủ rồi tay lại trao liền
Bước đi một bước lại vin áo chàng.
Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
Dạ chàng xa ngoài cõi Thiên San.(12)
Múa gươm (13) rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.
Săn Lâu Lan rằng theo Giới Tử (14)
Tới Man Khê bàn sự Phục Ba (15)
áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà lương (16) chia rẽ đường này
Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi.
Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu, (17)
Ngựa sau còn khuất nẻo Tràng Dương. (18)
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?
Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng.
Hàng cờ bay trông bóng phát phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngăn ngơ nỗi nhà.
Chàng thì đi cõi xưa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.

Chốn Hàm Dương (19) chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương (20) thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy.
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?
Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này nghỉ mắt phương nao?
Xưa nay chiến địa dường bao,
Nội không muôn dặm xiết sao dài dàu.
Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn,
Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên gôi trống đã chôn.
Nằm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh.
Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại, (21)
Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua. (22)
Hình khe thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nổi thấp đà lại cao.
Sương đầu núi buổi chiều như gội,
Nước lòng khe nẻo lội còn sâu.
Nào người áo giáp bấy lâu,
Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.
Trên trướng gấm thêu hay chăng nhẽ,
Mặt chinh phu ai vẽ cho nên?
Tưởng chàng rong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi hãn hải (23) thì miền Tiêu Quan. (24)
Đã trắc trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng, (25)
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương?
Chàng từ sang đông nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo (26) nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,

Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi mạnh ân dày từ trước,
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu.
Non Kì (27) quanh quẽ trắng treo,
Bến Phì (28) gió thổi điu hiu mấy gò.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt (29) nào ai gọi hồn?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già ruỗi chiến trường,
Chàng Siêu (30) tóc đã điểm sương mới về.
Tưởng chàng trải nhiều bề nắn nỏ,
Ba thước gươm một cổ nhung yên.
Xông pha gió bãi trắng ngàn,
Tên reo (31) đầu ngựa giáo dan (32) mặt thành.
Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai.
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay (33)?
Những mong cá nước vui vầy,
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vơi.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn (34).
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu?
Trang phong lưu đang chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan san để cách hàn huyên (35) cho đành!
Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.

Nay quyền đã giục oanh già,
ỷ nhi (36) lại gáy trước nhà lú lo.
Thuở đặng đồ (37) mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông,
Phù dung lại đã bên sông bơ xờ. (Có bản chép : Tuyết mai trắng bãi
phù dung đỏ bờ.)
Hẹn cùng ta Lũng Tây (38) nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
Ngập ngừng lá rụng cành trâm,
Chiều hôm nghe dậy tiếng cầm (39) lao xao
Hẹn nơi nao Hán Dương (40) cầu nọ
Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
Ngập ngừng gió thổi áo bào,
Bãi hôm tuôn dẫy nước trào menh mông. (41)
Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trái rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Sân đi một bước trần tình ngẩn ngơ.
Thư thường lại người chưa thấy lại,
Bức rèm thưa lặn dãi bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai?
Thử tính lại diễn khơi (42) ngày ấy,
Tiền sen (43) này đã nẩy là ba.
Xót người lần lửa ải xa,
Xót người nương chốn hoàng hoa (44) dặm dài.
Tình gia thất nào ai chẳng có.
Kia lão thân (45) khuê phụ (46) nhớ thương.
Mẹ già phơ phát mái sương.
Con thơ mắng sữa vả đương phù trì (47)
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.

Nay một thân nuôi già dạy trẻ.
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
Nhớ chàng trái mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới đông nào còn dư.
Kể năm đã ba tư cách diễn,
Mối sầu thêm nghìn vạn ngọn ngang.
Ước gì gần gũi tác gang.
Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
Thoa cung Hán(48) thưở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần (49) dầu cũ soi chung.
Cậy ai mà gửi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư?
Nhẫn đeo tay (50) mọi khi ngắm nghĩa
Ngọc cài đầu (50) thưở bé vui chơi.
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân?
Trái mấy xuân tin đi tin lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không.
Thấy nhận luống tưởng thư phong, (51)
Nghe hơi sương sấm áo bông sẵn sàng.
Gió tây nổi khôn đường hồng tiên, (52)
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài. (53)
Đề chữ gấm (54) phong thôi lại mở,
Gieo bó tiền (55) tin dỏ còn ngờ,
Trời hôm tựa bóng gần ngơ,
Trăng khuya nường gối bơ phờ tóc mai.
Há như ai hôn say bóng lẫn,
Bỗng thơ thơ thần thần như không.
Trâm cài xiêm thất (56) then thùng,
Lệch làn tóc rối lỏng vòng lưng eo.
Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác (57) đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn (58) kia với bóng người khá thương.
Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên (59) kinh đứt phim loan (59) ngại chùng.
Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
Non yên dầu chẳng tới miền,
Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng.
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.
Sương như búa bổ mòn gốc liễu,
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!

Đâu xiết kể muôn sầu nghìn nã,
Từ nữ công phụ xảo đều nguôi.
Biếng cầm kim biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dẹt bướm đôi ngại thua.
Mặt biếng tô miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều đòi dỗi nương song.
Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?
Biếng trang điểm lòng người sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi Giang Lăng.
Khác gì ả Chức (60) chị Hằng, (61)
Bến Ngân (62) sùi sụt cung trăng chốc mòn.
Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
Muộn chứa đầy hãy thổi làm cơm
Mượn hoa mượn rượu giải buồn
Sầu làm rượu nhạt muộn dôn hoa ôi.
Gõ senh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch (63) bấy nay,
Dặm xa thêm mỗi tráp đầy lại vơi.
Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt,
Trống tiêu (64) khua như rút buồng gan.
Võ vàng đôi khác dung nhan,
Khuê li (65) mới biết tân toan (66) đường này.
Ném chua cay tẩm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề!
Thân thiếp chẳng gần kê dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vương bên khăn?
Bui còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thường tới Giang Tân tìm người.
Tìm chàng thuở Dương Đài (67) lỗi cũ,
Gặp chàng nơi Tương Phố (68) bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,

Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.
Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Được gần chàng bên Lũng thành Quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.
Bui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.
Lòng theo nhưng chữa thấy người.
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
Trông bên nam bãi chia mặt nước,
Cỏ biếc um dâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh, (69)
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
Trông đường bắc đôi chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu.
Non đông thấy lá hầu chát đông,
Trĩ sập sè mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.
Lũng Tây thấy nước đường uốn khúc,
Nhạn liệng không sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.
Trông bốn bề chân trời mặt đất,
Lên xuống lầu thăm thoát đòi phen.
Lớp mây ngại mắt khôn nhìn,
Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc quan? (70)
Giây rút đất (71) dễ khôn học chước,
Khăn gieo cầu (72) nào được thấy tiên.
Lòng này hoá đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lầu.
Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong (73)

Chẳng hay muôn dặm ruổi rong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng?
Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa?
Hương dương lòng thiếp như hoa,
Lòng chàng lẫn thân e tà bóng dương.
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái.
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần!
Chồi lan nọ trước sân đã hái,
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm đạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên chương (74) thần thờ.
Bóng Ngân hán khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê triền (75) buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhật nồng,
Chuôi sao Bắc đẩu thôi đông lại đoài.
Một năm một nhật mùi son phấn.
Trượng phu còn thơ thần miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời.
Bây giờ nỡ để cách vời Sâm Thương? (76)
Chàng ruổi ngựa dầm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lâu cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương nhớ hết mấy phen lương thì (77)
Sầu nhớ khi cảnh Diêu đoá Ngụy,(78)
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì ả Chúc nàng Ngâu,
Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông
Thương một kẻ phòng không luôn giữ,
Thời tiết lạnh lắm lẽ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thấm thoát qua màu xuân xanh:

Xuân thu để giận quanh ở dạ,
Hợp li đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhiều nỗi tơ bời,
Vóc bồ liễu dễ ép nài chiều xuân.
Kia Văn Quân (79) mĩ miều thuở trước;
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan lang (80)
Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.
Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở
Tiếc quang âm lần lửa gieo qua.
Nghĩ mệnh bạc tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc sẩy ra nạ dòng.
Gác xuân nọ mơ mòng vẽ mặt,
Lầu hoa kia phảng phát mùi hương.
Trách trời sao để nhỡ nhàng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.
Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vội phân trương.
Chẳng xem chim yến trên rường,
Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.
Kia loài sâu đôi đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.
Liễu sen là thức cỏ cây,
Đôi hoa cũng sánh đôi dây cũng liền.
Ấy loài vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nữ để đây đây?
Thiếp xin về kiếp sau này,
Như chim liền cánh như cây liền cành.
Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
Xin làm theo bóng cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vùng nguyệt phủ nguyên,

Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.
Lòng hứa quốc (81) tựa son ngăn ngắt,
Sức tí dân (82) dường sắt tri tri
Máu Thiều Vu (83) quắc (84) Nhục Chi (85),
ấy thì buổi uống ấy thì bữa ăn.
Mũi đồng vác (86) đòi lần hăm hở,
Đã lòng trời gìn giữ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc treo cung non đoài.
Bóng cờ xí giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thần kinh.
Non Yên (87) tạc đá đề danh,
Triều thiên (88) vào trước cung đình (89) dâng công.
Nước duềnh Hán vác đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ réo rắt ngợi khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác Khói (90) tượng truyền đài Lân (91)
Nền huân tướng đai cân rạng vẻ (92),
Chữ đồng hươu (93) bia để nghìn đông.
Ởn trên tử ẩm thê phong,
Hiển vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.
Thiếp chẳng đại như người Tô phụ, (94)
Chàng hản không như lũ Lạc Dương (95).
Khi về đeo quả ắn vàng,
Trên khung cửu dám rầy ruồng làm cao.
Xin vì chàng xếp bào cởi giáp,
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nảo nùng.
Giở khăn lệ chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sâu chàng thẩm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.
Sẽ rót vui lần lần từng chén,
Sẽ ca dân ren rén từng thiên.

Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bỏ lúc sâu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Đường này âu hẳn tài lành trượng phu.

Chú thích

1. Truân chuyên: gian nan khốn khó
2. Trường thành: Vạn Lý trường thành, do Tần Thủy Hoàng xây dựng.
3. Cam tuyền: Tên đất
4. áo nhung: áo của quân nhân.
5. Niềm tây: Niềm riêng.
6. Thê noa: vợ con.
7. Thành liên: bởi chữ "liên thành" (những thành liên nhau). Điển tích: Nước Triệu có hai hòn ngọc bích. Vua nước Tần viết thư xin đem năm thành trì đổi ngọc ấy. Về sau, vật gì quý báu gọi là có giá "liên thành".
8. Thiên kiêu: giấc trời Hán thư có câu "Hồ giả thiên chi kiêu tử" (giấc Hồ là đám con khó dạy của trời).
9. Da ngựa: bởi chữ "mã cách" (Mã: ngựa; cách: da). Điển tích: Đời Đông Hán; Mã Viện, tướng giỏi, từng nói: "Làm trai nên chết chôn sa trường biên ải, lấy da ngựa bọc thây chôn mới gọi là trai".
10. Thái Sơn, hồng mao: Tư Mã Thiên nói: "Người ta vẫn có cái chết, song có cái chết đáng nặng như núi Thái Sơn, có cái chết không đáng nhẹ như lông chim hồng". ý nói có sự đáng chết và không đáng chết.
11. Cầu vị (Vị kiêu): Lí Bạch có câu thơ "Tuấn mã nhược phong phiêu, minh tiên xuất Vị kiêu".
(Ngựa giỏi đi nhanh như gió cuốn, thét roi ra lỏi cầu sông vị).

12. Có câu hát "Tướng quân tam tiến định Thiên Sơn, tráng sĩ trường ca nhập Hán quan" (ba mũi tên của tướng quan lấy được núi Thiên Sơn, tráng sĩ hát dài mà kéo quân vào cửa ải Hán).
13. Gươm (Long Tuyền): Tên một thanh kiếm báu.
14. Giới Tử, Lâu Lan: Phó Giới Tử, tướng nhà Đường, dùng mưu giết chết vua đất Đại Uyển là Lâu Lan.
15. Man Khê, Phục Ba: Mã Viện, đời Đông Hán, lĩnh chức Phục Ba tướng quân, từng đánh dẹp bọn rợ ở Man Khê.
16. Hà Lương: (hà: sông, lương: cầu). Ngày xưa tiến đưa nhau thường đến chôn "cầu sông".
17. Tế Liễu: Vua Hán Văn Đế đến doanh Tế Liễu là nơi đồn quân của tướng Chu á Phu để khao thưởng quân sĩ.
18. Tràng Dương: Tên đất (cũng là tên cung của nhà Tần).
19. Hàm Dương: Tên đất, tây kinh của nhà Tần.
20. Tiêu Tương: tên sông.
21. Thành Bạch Đằng. Vua Hán Cao Tổ từng bị vây ở đây.
22. Thanh Hải: Tên đất. Đời Đường, rợ Thổ Cốc Hồn hùng cứ ở đây.
23. Hãn hải: Bãi sa mạc.
24. Tiêu Quan: tên cửa ải ở nơi hiểm trở. Các đời Đường, Tống xây lũy đắp đồn chống rợ Thổ Phồn.
25. Lên cao trông thức mây lồng: Điển tích: Đời Đường, Dịch Nhân Kiệt đi đánh giặc xa nhà, lên núi cao trông đám mây trắng ở xa xa, nói với quân sĩ rằng: "Cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng ấy", ý nói nhớ nhà.
26. Tiên thảo: (Tiên: đi tới; thảo: đánh dẹp giặc cướp).
27. Non Kì (Kì Sơn): Núi Kì Liên, đời Hán, Hoắc Khứ Bệnh đánh rợ Hung Nô ở đây.
28. Bến Phì (Phì Thủy): tên sông. Bồ Kiên nước Tần, đem hàng trăm vạn quân đánh Tấn ở sông này, thua trận, quân sĩ mười phần chết mất tám chín, thây đắp thành gò.

29. Mạc mặt: vẽ ra nét mặt. (Dịch chữ "đan thanh" (đan: sắc đỏ; thanh: sắc xanh).
30. Ban Siêu: danh tướng đời Hán, theo việc binh nhưng ra xứ Tây Vực ở 31 năm, lập nhiều công lớn, khi về đã quá 80 tuổi.
31. Tên reo đầu ngựa (minh đích) : (minh: kêu; đích: mũi tên bịt sắt) : tên nỏ bịt sắt, bắn đi vang ra tiếng.
32. Giáo dan (duyên can) : (duyên: leo; can: cán cây giáo): leo ngọn giáo mà lên mặt thành (duyên - doan).
33. Vay: tiếng đệm của câu than thở.
34. Vương tôn: con nhà giàu sang, ưa đi chơi không đoái đến gia đình.
35. Quan san, hàn huyên: (quan : ải ; san : núi : hàn : lạnh ; huyên : âm), ý nói cách trở, không biết tin tức của nhau.
36. ý nhi: chim én (yến) thường làm tổ trong mái nhà.
37. Đăng đồ: lên đường ra đi nơi xa.
38. Lũng Tây (Lũng Tây sâm): núi nhỏ mà cao (sâm) ở đất Lũng Tây.
39. Tiếng cầm: tiếng chim chóc.
40. Hán Dương: tên đất.
41. (mộ trào) : (mộ : chiều : trào, triều : con nước) : con nước lên buổi chiều hôm.
42. Diễn khời ngày ấy: từ ngày cách xa nhau.
43. Tiền sen: dịch chữ "hà tiền" (hà : sen : tiền : đồng tiền), lá sen non nổi ở mặt nước như đồng tiền.
44. Hoàng hoa thú: linh thú đời xưa, cứ tháng 9 thì cất đi, đến tháng 9 năm sau mới đổi về. Tháng 9 là mùa hoa cúc nở, sắc vàng, cho nên gọi là "Hoàng hoa thú".
45. Lão thân: cha mẹ già.
46. Khuê phụ: người vợ ở chốn khuê phòng.
47. Phù trì: trông nom, ẵm bồng.
48. (Hán cung thoa): nhắc tích Hán Vũ đế ban cho bà Triệu Tiệp Du một cái thoa ngọc.

49. (Tần lâu kính): Tần Thuỷ Hoàng có cái gương lớn gọi là "chiếu đảm kính", soi thấy mặt trong thân thể, biết được người nào có tà tâm.
50. (Câu chỉ ngân, tao đầu ngọc) : nhẫn đeo tay bằng bạc; trâm cài đầu bằng ngọc.
51. Lấy thích Tô Vũ xé áo lụa viết thư, cột vào chân chim nhạn thả bay về Hán.
52. Hồng tiện: nhờ nhạn đem thư buộc ở chân (hồng: chim nhạn trống; nhạn: chim mái).
53. Màn mưa trướng tuyết (hổ trướng, lang vi): trướng hổ, màn lang, chỉ những nơi đóng quân ở cõi ngoài.
54. (Cầm tự đề thi): Đời Tấn, Đậu Tháo đi lính, vợ là Tô Huệ làm bài thi "hồi văn" dệt vào gấm dâng lên vua mà xin cho chồng về.
55. (Kim tiền vắn bók): gieo ba đồng tiền bằg khi bói quẻ.
56. Xiêm thất: áo quần thất nhỏ (thân thể gầy vì nhớ chồng).
57. Rủ thác: bỏ rèm xuống, cuốn lên.
58. Hoa đèn: dịch chữ "đăng hoa" (đĩa đèn dầu xưa).
59. Dây uyên, phím loan: hai sợi dây đàn như đôi chim uyên ương, hai phím đàn như đôi chim loan phụng. Chinh phụ không muốn lên dây đàn, sợ đứt dây hoá ra điềm xấu.
60. Chúc nữ.
61. Hằng Nga
62. Bến sông Ngân Hà, nơi Ngưu Lang - Chúc Nữ gặp gỡ.
63. Hành dịch: đi làm nghĩa vụ (đi lính).
64. Trống canh ở trại quân.
65. Khuê li: xa cách nhau lâu ngày.
66. Tân toan: (tân: cay; toan: chua): nổi chua cay.
76. Dương Đài: tên núi, vua Tương Vương nước Sở mộng gặp thần nữ Vu Sơn ở đây.
68. Bến sông Tiêu Tương.

69. (Tĩnh ấp) : (tĩnh: giếng; ấp: xóm) : những nơi xóm làng.
70. Ngọc quan: Ngọc Môn quan, tên một cửa ải, nơi giáp giới xứ Tây Vực.
71. Gậy rút đất: Phí Trường Phòng học được thuật rút đất, hễ dùng cái gậy trở xuống đất thì nghìn dặm đường cũng thu lại ở trước mắt.
72. Khăn gieo cầu: Thôi sinh vào núi lấy được tiên nữ làm vợ, học được phép tàng hình, lẻn vào trong cung để tinh nghịch, bị đạo sĩ đuổi bắt. Chàng chạy về núi, còn cách con sông, tiên nữ hoá phép ném cái khăn biến thành nhịp cầu ngũ sắc để cho chàng chạy qua.
73. Hai câu này dịch hai câu thơ của bài "Khuê oán" của Vương Xương Linh, thi sĩ đời Đường:
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hồi giao phu tể mịch phong hầu
74. Thiên chương: các vẽ trên trời, như: tinh tú, nhật, nguyệt...
75. Khuê triển: độ đi của sao Khuê.
76. Sâm, Thương: sao Sâm (sao Hôm) phương Tây, sao Thương (sao mai) ở phương Đông, một ngôi hiện ra thì một ngôi lặn đi không cùng trông thấy mau. ý nói sự li biệt.
77. Lương thì: thời tươi đẹp.
78. Diêu hoàng, Ngụy tử: nhà Diêu Sùng có hoa mẫu đơn vàng (hoàng); nhà Ngụy Nhân Phổ có hoa mẫu đơn tía (tử).
79. Văn Quân: giai nhân đời Hán, Trác Văn Quân, goá chồng, nghe Tư Mã Tương Như đàn khúc "Phụng cầu hoàng" ưng theo làm vợ. Sau Tương Như muốn lấy vợ lẽ, Văn Quân bèn làm bài "Bạch đầu ngâm". Tương Như cảm kích, thôi không lấy lẽ, cùng Văn Quân ở đời đến già.
80. Phan lang: người con trai tuấn tú đời Tấn Phan An Nhân, mỗi khi ra đường, con gái hay gheo, ném quả đầy xe.
Điển tích này và điển tích trên ý nói: một ngày kia vợ chồng cùng già.
81. Hứa quốc: một lòng đem thân giúp nước.
82. Tỵ dân: Hết sức che chở nhân dân.

83. Thiên Vu: chúa của rợ Hung Nô.
84. Quắc: lỗ tai trái. Dâng đầu giặc ghi công chỉ cần xẻo lỗ tai trái đem về nộp.
85. Nhục chi: tên nước xưa ở miền Tây Vực.
86. Đồng vác: gương giáo.
87. Non Yên: Núi Yên Nhiên ở đất ngoài Mông Cổ. Đời Hậu Hán, Đậu Hiến đánh đuổi rợ Hung Nô đến đây, lên núi khắc công huân vào đá, rồi về.
88. Triều thiên: thiên triều, triều (đình) vua.
89. (Vị Ương cung): cung điện nhà Hán, chu vi rộng lớn, xây dựng luôn, hết cung này đến điện nọ không bao giờ rời, cho nên đặt tên "Vị Ương" (chưa hết); cũng như: dạ vị ương (đêm chưa sáng).
90. Gác Khói: Lãng Yên các (lãng yên: cao vượt trên tầng mây khói), vua Đường Thái Tông cho dựng để vẽ hình 24 công thần.
91. Đài Lân: Kì Lân đài, Vua Hán Tuyên đế cho vẽ tượng 10 công thần ở đây.
92. Mao tư khoán: (mao: cỏ tranh; tư: cỏ gai; khoán: văn tự để làm tin): Đời xưa phong hầu, vua ban cho đất ngũ sắc có bọc mao tư, hoặc cho tấm thiết khoán (tấm sắt ghi công trạng).
- dịch giả dùng "nền huân tướng" dịch từ ngữ này (huân công, huân nghiệp: công nghiệp to lớn).
93. Đồng hươu: bởi câu "dữ quốc đồng hươu thích" (cùng lo cùng vui với nước nhà).
94. Tô phụ: vợ Tô Tần. Khi còn hàn vi, Tô Tần về nhà, người vợ cứ ngồi trên khung cửi, không thềm đứng dậy.
95. Lạc Dương: chỉ Tô Tần, người Lạc Dương.